

MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2025-2026
MÔN NGỮ VĂN 7 – Thời gian 90 phút.

1. Ma trận đề kiểm tra:

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ tư duy						Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin/ Văn bản nghị luận	4 20%	0	3 15%	1 10%	0	1 15%	9 60
2	Viết	-Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử -Viết: viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)	0	10 %	0	15%	0	15%	1 40
Tổng			20%	10 %	15%	25%	0	30%	100%
Tỉ lệ %			30%		40%		30%		
Tỉ lệ chung			70%				30%		

2. Bảng đặc tả đề kiểm tra:

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin/ Văn bản nghị luận.	<p>* Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. – Nhận biết cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin. - Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại). - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống. - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản <p>* Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản thông tin với mục đích của nó. – Nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản. - Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Xác định được mục đích và nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. - Hiểu được chức năng của thuật ngữ. - Hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó. - Hiểu công dụng của dấu chấm lửng. - Chức năng của mạch lạc và liên kết. <p>* Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

2	Viết	-Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử	<p>* Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đúng kiểu bài kể lại sự việc có thật. - Xác định đúng nhân vật lịch sử và sự việc tiêu biểu liên quan. - Có đủ mở bài, thân bài, kết bài rõ ràng. <p>* Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày đúng diễn biến sự việc theo trình tự hợp lí. - Nêu được ý nghĩa của sự việc đối với nhân vật và lịch sử. - Biết kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm phù hợp. - Có cảm xúc, thái độ trân trọng nhân vật. <p>* Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng hiểu biết lịch sử và trải nghiệm học tập để làm nổi bật nhân vật. - Lựa chọn, sắp xếp chi tiết hợp lí, sinh động. - Thể hiện suy nghĩ, bài học rút ra. - Diễn đạt tốt, ít lỗi chính tả, ngữ pháp.
		-Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)	<p>* Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đúng kiểu bài nghị luận về vấn đề đời sống. - Xác định đúng yêu cầu “trình bày ý kiến phản đối”. - Bố cục đầy đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. <p>* Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vấn đề trong đời sống được nêu ra. - Trình bày được lí do vì sao phản đối vấn đề đó. - Sắp xếp được các ý theo trình tự hợp lí. - Biết sử dụng lí lẽ và dẫn chứng phù hợp, rõ ràng. - Hiểu và thể hiện được mối quan hệ giữa ý kiến – lí lẽ – dẫn chứng. <p>* Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục. - Thể hiện được chính kiến, suy nghĩ cá nhân rõ ràng. - Diễn đạt linh hoạt, có cảm xúc phù hợp, - Diễn đạt mạch lạc, ít sai lỗi chính tả, ngữ pháp.

(Đề gồm có 02 trang)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm) Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn

(1) Trong hàng ngàn lễ hội truyền thống khắp các vùng miền cả nước, một lễ hội mang ý nghĩa khuyến nông sâu sắc, đề cao vai trò sản xuất nông nghiệp của các bậc quân vương xưa là lễ hội Tịch điền (có nghĩa là đích thân vua đi cày ruộng) do vua Lê Đại Hành là người khởi xướng. (2) Trải qua hơn 1000 năm, lễ hội này ngày nay được tái hiện ở chân núi Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, với những sá cày cùng tiếng trống khai hội xuống đồng rộn ràng những ngày đầu năm mới.

(3) Lịch sử ghi lại mùa xuân năm Đinh Hợi (năm 987), lần đầu tiên vua Lê Đại Hành cùng văn võ bá quan làm lễ tế thần nông và đích thân xuống đồng cày ruộng để khuyến khích người dân chăm chỉ làm ăn. (4) Kể từ đó, các triều đại sau: từ Lý, Trần, đến triều Lê, Nguyễn đều tổ chức lễ hội Tịch điền một cách thành kính, trang trọng, cầu mùa màng bội thu, khuyến khích mở mang nông trang. (5) Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, lễ hội Tịch điền đã trở thành một nét sinh hoạt văn hóa tâm linh quan trọng, là di sản văn hóa của dân tộc.

(6) Lễ hội Tịch điền có ý nghĩa đặc biệt. (7) Những vị vua đức cao vọng trọng đã cởi bỏ long bào, mặc quần áo nông dân, lội ruộng xuống đồng cùng trâu cày như những lão nông. (8) Hành động ấy không chỉ thể hiện tư tưởng “gần dân” của các bậc quân vương, hơn thế nữa là sự quan tâm, coi trọng đặc biệt với những người nông dân chân lấm tay bùn, với phát triển sản xuất nông nghiệp của nước nhà. (9) Đối với một quốc gia có nền văn minh lúa nước hàng ngàn năm như nước ta, điều đó càng có ý nghĩa sâu sắc.

(10) Thông điệp từ lễ hội Tịch điền cũng là lời nhắc nhở của các bậc tiền nhân đến thế hệ ngày nay, hãy nhớ đến công ơn của cha ông trong việc khai phá ruộng đồng, trồng cấy lúa ngô mà tích cực và chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp - một thế mạnh của nước nhà.

(Công Thông tin Điện tử tỉnh Hà Nam – www.hanam.gov.vn)

Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ câu 1 đến 7.

Câu 1. (0,5 điểm) Văn bản “*Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn*” cung cấp những thông tin cơ bản nào?

- A. Tên gọi, địa điểm, lịch sử hình thành, ý nghĩa, thông điệp.
- B. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức.
- C. Nguồn gốc, địa điểm, ý nghĩa.
- D. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức, ý nghĩa.

Câu 2. (0,5 điểm) Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn được tổ chức ở tỉnh nào?

- A. Nam Định.
- B. Phú Thọ.
- C. Hà Nam.
- D. Bắc Ninh.

Câu 3. (0,5 điểm) Văn bản sử dụng nguồn tài liệu tham khảo nào?

- A. Báo Nhân Dân.
- B. Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam.
- C. Wikipedia.
- D. Sách giáo khoa.

Câu 4. (0,5 điểm) Thông tin trong văn bản được triển khai chủ yếu theo trình tự nào?

- A. Không gian.
- B. Thời gian.
- C. Nguyên nhân – kết quả.
- D. So sánh – đối chiếu.

Câu 5. (0,5 điểm) Chi tiết “mùa xuân năm Đinh Hợi (987)” giúp người đọc hiểu điều gì?

- A. Cảm xúc của tác giả.
- B. Thời điểm cụ thể của sự kiện lịch sử.
- C. Cảnh đẹp mùa xuân.
- D. Hoạt động vui chơi.

Câu 6. (0,5 điểm) Việc nhắc đến nhiều triều đại (Lý, Trần, Lê, Nguyễn) nhằm mục đích gì?

- A. Kể chuyện nhằm mục đích giải trí cho người đọc.
- B. Miêu tả các nhân vật xuất hiện trong văn bản.
- C. Tăng yếu tố biểu cảm trong nội dung văn bản.
- D. Chứng minh lễ hội có lịch sử lâu dài và liên tục.

Câu 7. (0,5 điểm) Từ “tái hiện” trong câu (2) có nghĩa là gì?

- A. Làm mới hoàn toàn.
- B. Thay đổi nội dung.
- C. Làm cho xuất hiện lại.
- D. Xóa bỏ.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 8. (1,0 điểm) Nêu chức năng của phép liên kết được sử dụng trong hai câu sau:

(1) Trong hàng ngàn lễ hội truyền thống khắp các vùng miền cả nước, một lễ hội mang ý nghĩa khuyến nông sâu sắc, đề cao vai trò sản xuất nông nghiệp của các bậc quân vương xưa là lễ hội Tịch điền (có nghĩa là đích thân vua đi cày ruộng) do vua Lê Đại Hành là người khởi xướng.

(2) Trải qua hơn 1000 năm, lễ hội này ngày nay được tái hiện ở chân núi Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, với những sá cây cùng tiếng trống khai hội xuống đồng rộn ràng trong những ngày đầu năm mới.

Câu 9. (1,5 điểm) Qua việc đọc hiểu văn bản, em hãy nêu một số việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn đối với những người đã có công dựng nước và giữ nước.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

-----HẾT-----

HSKT không thực hiện phần II. VIẾT

UBND XÃ NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

**HƯỚNG DẪN CHẤM CUỐI KỲ II NĂM
HOC 2025-2026 MÔN: NGỮ VĂN 7**

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này có 02 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giáo viên cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức trình bày.
- Điểm lẻ mỗi câu và điểm toàn bài tính đến 0.25 điểm.

B. HƯỚNG DẪN CU THỂ

Phần	Nội dung						Điểm														
Phần I. Đọc – hiểu (6.0 điểm) <table><tr><td>Câu 1</td><td>Câu 2</td><td>Câu 3</td><td>Câu 4</td><td>Câu 5</td><td>Câu 6</td><td>Câu 7</td></tr><tr><td>A</td><td>C</td><td>B</td><td>B</td><td>B</td><td>D</td><td>C</td></tr></table> <p>Mỗi câu đúng được 0.5 điểm</p> <p>HSKT: Mỗi câu đúng được 1.0 điểm</p>							Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	A	C	B	B	B	D	C	3.5
Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7															
A	C	B	B	B	D	C															
Câu 8	Gợi ý trả lời:						1.0														

	<p>-Trong hai câu có sử dụng phép liên kết thế: từ “lễ hội này” ở câu (2) thay thế cho “lễ hội Tịch điền” ở câu (1). (0.25 điểm)</p> <p>-Chức năng: (0.75 điểm)</p> <p>+ Tránh lặp lại từ ngữ “lễ hội Tịch điền”</p> <p>+Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa hai câu, giúp đoạn mạch lạc, rõ ý.</p> <p>+Làm cho sự diễn đạt tự nhiên, trôi chảy hơn.</p> <p>HSKT: Xác định được phép liên kết và chỉ cần nêu được một chức năng đúng, rõ ý được 2.0 điểm</p> <p><i>Tuỳ vào sự trả lời của Hs, Gv linh hoạt phân hoá điểm đến 0.25</i></p>	
Câu 9	<p>Gợi ý đáp án: Học sinh nêu được những việc làm cụ thể thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công dựng nước và giữ nước. Chấp nhận nhiều cách trả lời khác nhau nếu phù hợp, có ý nghĩa giáo dục.</p> <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hiểu, học tập lịch sử dân tộc. -Kính trọng, biết ơn các anh hùng liệt sĩ, thương binh. -Thăm hỏi, giúp đỡ gia đình có công với cách mạng. -Tham gia dọn dẹp, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ. -Thắp hương, tưởng niệm vào các ngày lễ (27/7,). -Học tập, rèn luyện tốt để góp phần xây dựng đất nước. -Giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+1,5 điểm: Nêu được từ 3 việc làm trở lên, cụ thể, hợp lí, có ý nghĩa; diễn đạt rõ ràng.</p> <p>+ 1,0 điểm: Nêu được 2 việc làm đúng, tương đối cụ thể.</p> <p>+ 0,5 điểm: Nêu được 1 việc làm đúng nhưng còn chung chung hoặc diễn đạt chưa rõ.</p> <p>+0,25 điểm: Trả lời sơ sài, ý chưa rõ nhưng có liên quan.</p> <p>+ 0 điểm: Trả lời sai hoặc không trả lời.</p> <p>HSKT: Nêu được 1–2 việc làm đúng, rõ ý. được 1.0 điểm.</p>	1.5
Phần II. Viết (4.0 điểm) HSKT: không làm phần viết.		
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn: Có đủ bố cục ba phần: mở bài thân bài, kết bài; các sự việc được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.	0.25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.	0.25

	<p><i>c. Nội dung bài viết:</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>1/ Mở bài: (0.5 điểm): +Giới thiệu đôi nét về nhân vật. +Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật.</p> <p>2/ Thân bài: (2.0 điểm) +Kể diễn biến của sự việc. Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả. +Nêu ý nghĩa của sự việc</p> <p>3. Kết bài: (0.5 điểm): Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc .</p>	3,0
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt độc đáo, lời kể sinh động, sáng tạo, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ riêng và có yếu tố miêu tả trong khi kể.</p>	0.25

..... HẾT.....